

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13/10/2025 của Thủ tướng
Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của khoa học,
công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển
kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội (viết tắt: Quyết định số 2244/QĐ-TTg).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2244/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai đồng bộ, thống nhất các nội dung được giao tại Quyết định số 2244/QĐ-TTg, bảo đảm việc thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của Trung ương và điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong việc thu thập, tổng hợp, cung cấp và cập nhật thông tin, dữ liệu phục vụ tính toán các nhóm chỉ tiêu.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm cơ quan quản lý các cấp sử dụng đầy đủ kết quả đánh giá làm căn cứ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khuyến khích đổi mới mô hình quản lý, phương thức hoạt động, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai phải được thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo và xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở; tuân thủ đầy đủ nội dung, phạm vi và phương pháp đánh giá theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg và các hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tăng cường phối hợp liên ngành, bảo đảm sự chia sẻ thông tin giữa các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Quá trình tổ chức thực hiện phải gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng công tác dự báo, tham mưu

và hoạch định chính sách, cải thiện môi trường đầu tư và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong toàn tỉnh.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Theo Phụ lục phân công giao nhiệm vụ kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 2244/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương:

- Triển khai thực hiện Chỉ thị của UBND tỉnh về việc tăng cường ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Vận dụng Bộ tiêu chí ban hành theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg để đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Xây dựng nội dung, biểu mẫu và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu được phân công; xây dựng báo cáo đánh giá hiệu quả, báo cáo UBND tỉnh và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ trước **ngày 15 tháng 4 hằng năm** theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị liên quan, rà soát, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản thuộc thẩm quyền để bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc thu thập, tổng hợp và tính toán các chỉ tiêu theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg.

đ) Phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường phổ biến, công khai kết quả đánh giá, nâng cao nhận thức xã hội.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước và nội dung phân công tại Phụ lục kèm theo kế hoạch này, chủ động rà soát, tổ chức thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu của các chỉ tiêu liên quan thuộc phạm vi quản lý.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, đồng bộ của thông tin, dữ liệu; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ hằng năm, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ (theo nội dung, biểu mẫu hướng dẫn) để tổng hợp chung, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ, trước ngày 30 tháng 3 hằng năm.

c) Vận dụng Bộ tiêu chí vào công tác đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nội bộ cơ quan, đơn vị, địa phương mình; đồng thời lồng ghép các chỉ tiêu liên quan vào bộ chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

3. Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai

Chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch, chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, phổ biến,

công khai kết quả đánh giá; giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến trong việc áp dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc quán triệt, triển khai thực hiện. *h*

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 11;
- Thống kê tỉnh;
- Các Trường ĐH, CĐ trên địa bàn tỉnh;
- Các doanh nghiệp KH&CN, tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, T1, V9, V3.

Báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

h



Phụ lục
Phân công giao nhiệm vụ các ngành, đơn vị, địa phương triển khai, thống kê các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Thực hành kèm theo Kế hoạch số 132 /KH-UBND ngày 03 /12 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Mã số	Nhóm tên, chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì/phối hợp theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai	Sở, ban ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai
I. NHÓM TIÊU CHÍ ĐẦU VÀO					
1	0101	Nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan
2	0102	Đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bộ Khoa học và Công nghệ/Bộ Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính
II. NHÓM TIÊU CHÍ KẾT QUẢ					
II.1. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo					
3	0201	Số lượng bài báo của Việt Nam công bố trên tạp chí khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan
4	0202	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích của tổ chức, cá nhân Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan
5	0203	Số lượng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp cho tổ chức, cá nhân Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan

TT	Mã số	Nhóm tên, chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì/phối hợp theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai	Sở, ban ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai
6	0204	Số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan
7	0205	Số lượng văn bằng bảo hộ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan
8	0206	Số người được đào tạo thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN

II.2. Kết quả chuyển giao và ứng dụng

9	0207	Tỷ lệ sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản được ứng dụng, chuyển giao	Bộ Khoa học và Công nghệ/Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương
10	0208	Giá trị chuyển giao của các sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản.	Bộ Khoa học và Công nghệ/Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương
11	0209	Số lượng hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép	Bộ Khoa học và Công nghệ/Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức, cá nhân liên quan
12	0210	Giá trị các hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép	Bộ Khoa học và Công nghệ/Ủy ban	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức, cá nhân liên quan

TT	Mã số	Nhóm tên, chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì/phối hợp theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai	Sở, ban ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai
			nhân dân các tỉnh, thành phố		
III. NHÓM TIÊU CHÍ HIỆU QUẢ					
III.1. Hiệu quả kinh tế					
13	0301	Tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GDP	Bộ Tài chính/Bộ Khoa học và Công nghệ	Thống kê tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính
14	0302	Tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào tăng trưởng GDP	Bộ Khoa học và Công nghệ/Bộ Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh; Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương
15	0303	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	Bộ Tài chính	Thống kê tỉnh	Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương
III.2. Hiệu quả đối với doanh nghiệp					
16	0304	Tỷ trọng doanh thu từ sản phẩm mới	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương
17	0305	Tỷ lệ giảm chi phí quản lý, vận hành giảm nhờ chuyển đổi số	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương
IV. NHÓM TIÊU CHÍ TÁC ĐỘNG					
IV.1. Tác động kinh tế					
18	0401	Tỷ trọng kinh tế số trong GDP	Bộ Khoa học và Công nghệ/Bộ Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống kê tỉnh; Sở tài chính; Các sở, ban

TT	Mã số	Nhóm tên, chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì/phối hợp theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai	Sở, ban ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai
					ngành liên quan; các địa phương
19	0402	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP	Bộ Tài chính/Bộ Khoa học và Công nghệ	Thống kê tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương
20	0403	Giá trị gia tăng của sản phẩm các ngành kinh tế đóng góp vào GDP	Bộ Tài chính	Thống kê tỉnh	Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương
21	0404	Tổng doanh thu của các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung	Bộ Khoa học và Công nghệ	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Tài chính
22	0405	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	Bộ Tài chính/Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công Thương	Sở Công Thương	Thống kê tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính
23	0406	Giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghiệp công nghệ thông tin	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương	Thống kê tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính
24	0407	Doanh thu từ dịch vụ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bộ Khoa học và Công nghệ/Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống kê tỉnh; Các doanh nghiệp dịch vụ hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ,

TT	Mã số	Nhóm tên, chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì/phối hợp theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai	Sở, ban ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai
					đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
IV.2. Tác động xã hội và môi trường					
25	0408	Tỷ lệ lao động làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bộ Khoa học và Công nghệ/Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Thống kê tỉnh; Các doanh nghiệp dịch vụ hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
26	0409	Tỷ lệ người dân được tiếp cận cơ hội học tập suốt đời	Bộ Giáo dục và Đào tạo/Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan
27	0410	Tỷ lệ đơn vị hành chính áp dụng hệ thống giám sát, quản lý thông minh	Bộ Khoa học và Công nghệ/Các bộ, cơ quan ngang bộ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan
28	0411	Mức độ số hóa tài nguyên văn hóa dân tộc	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương
29	0412	Mức độ đổi mới sáng tạo trong phát huy giá trị văn hóa dân tộc	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Ủy	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương

TT	Mã số	Nhóm tên, chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì/phối hợp theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai	Sở, ban ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai
			ban nhân dân các tỉnh, thành phố		
30	0413	Tỷ lệ cơ sở y tế ứng dụng công nghệ số trong khám, chữa bệnh	Bộ Y tế	Sở Y tế	Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương
31	0414	Tỷ lệ phủ sóng mạng di động băng rộng 5G trên dân số	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương
32	0415	Tỷ lệ giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/Bộ Tài chính	Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực 11	Các ngân hàng trên địa bàn tỉnh
33	0416	Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu tiêu thụ năng lượng	Bộ Công Thương	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương
34	0417	Số lượng công nghệ môi trường được ứng dụng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban ngành và các địa phương liên quan
IV.3. Tác động quản trị và dịch vụ công					
35	0418	Tỷ lệ kích hoạt tài khoản định danh điện tử cho người dân	Bộ Công an	Công an tỉnh	Các sở, ban ngành và các địa phương liên quan

TT	Mã số	Nhóm tên, chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì/phối hợp theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai	Sở, ban ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai
36	0419	Số lượng tài khoản VNeID của tổ chức, cá nhân	Bộ Công an	Công an tỉnh	Các sở, ban ngành và các địa phương liên quan
37	0420	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến	Bộ Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
38	0421	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên cổng Dịch vụ công quốc gia	Văn phòng Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
39	0422	Mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ công trực tuyến	Bộ Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành và các địa phương liên quan
40	0423	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Bộ Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành và các địa phương liên quan
41	0424	Số lượng giao dịch qua Nền tảng điều phối, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành và các địa phương liên quan
42	0425	Số lượng chứng thư chữ ký số đã cấp	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành và các địa phương liên quan
IV.4. Tác động tổng hợp					

TT	Mã số	Nhóm tên, chỉ tiêu	Cơ quan Trung ương chủ trì/phối hợp theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg	Sở, ban ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai	Sở, ban ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh Gia Lai
43	0426	Chỉ số Phát triển Chính phủ điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành và các địa phương liên quan
44	0427	Chỉ số An toàn thông tin mạng toàn cầu	Bộ Công an	Công an tỉnh	Các sở, ban ngành và các địa phương liên quan
45	0428	Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương
46	0429	Chỉ số Phát triển con người (HDI)	Bộ Tài chính	Thống kê tỉnh	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương